

## BÁO CÁO

### Cập nhật kết quả công tác 9 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Công văn số 776-CV/ĐU ngày 28/9/2026 của Đảng ủy xã Ba Dinh về việc cập nhật báo cáo kết quả công tác 9 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2026; Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh báo cáo kết quả cụ thể như sau:

#### **1. Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã 9 tháng đầu năm 2026**

Kinh tế trên địa bàn xã tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, tổng giá trị sản xuất 9 tháng đầu năm 2026 (*giá so sánh năm 2020*)<sup>1</sup> ước đạt 295,799 tỷ đồng, trong đó:

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 124,278 tỷ đồng, đạt 105,2% so với cùng kỳ.

- Công nghiệp - xây dựng ước đạt 52,582 tỷ đồng, đạt 102,8 % so với cùng kỳ.

- Thương mại - dịch vụ ước đạt 118,939 tỷ đồng, đạt 108,1% so với cùng kỳ.

Tốc độ phát triển tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã 9 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (*giá so sánh 2020*): 5,89%; trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 5,21%; Công nghiệp - xây dựng: 2,81% và Dịch vụ: 8,05%.

#### **2. Giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, doanh thu vận tải**

Hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và vận tải trên địa bàn tiếp tục được duy trì, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 83.430 triệu đồng, bằng 112,7% so với cùng kỳ. Doanh thu vận tải ước đạt 14.475 triệu đồng, bằng 118,1% so với cùng kỳ, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, dịch vụ và lưu thông hàng hóa trên địa bàn.

#### **3. Về giải ngân vốn đầu tư công**

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2026: 20.778,106 triệu đồng, giải ngân đến thời điểm báo cáo 3.175,179 triệu đồng, đạt 15,28% kế hoạch (*Trong đó: Vốn đầu tư công ngân sách địa phương giao đầu năm 2026: 2.729,029 triệu đồng/3.009 triệu đồng đạt tỷ lệ 90,70% so với kế hoạch. Nguồn vốn đầu tư công được bổ sung trong năm 2026: 17.000 triệu đồng chưa thực hiện giải ngân. Nguồn vốn đầu tư công chuyển nguồn sang thực hiện các chương trình MTQG năm 2026: 446,150 triệu đồng/769,106 triệu đồng đạt tỷ lệ 58%*).

---

<sup>1</sup> Tổng giá trị sản phẩm (*giá hiện hành*) ước đạt 372,581 tỷ đồng, trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 166,918 tỷ đồng, đạt 108,0% so với cùng kỳ; Công nghiệp - xây dựng ước đạt 64,747 tỷ đồng đạt 104,7% so với cùng kỳ; Dịch vụ ước 140,916 tỷ đồng, đạt 111,1% so với cùng kỳ.

#### 4. Về thu, chi ngân sách

- Thu ngân sách: Đến thời điểm báo cáo tổng thu ngân sách nhà nước 113.469,153 triệu đồng/77.944 triệu đồng, bằng 145,57% dự toán giao. Trong đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 745,800 triệu đồng/820 triệu đồng, đạt 90,95% dự toán giao (*Các khoản thu ngân sách nhà nước đạt vượt tỷ lệ dự toán giao như lệ phí trước bạ: 506,576 triệu đồng/450 triệu đồng, các khoản thu phí, lệ phí: 90,778 triệu đồng/45 triệu đồng...*).

- Chi ngân sách: Đến thời điểm báo cáo tổng chi ngân sách nhà nước 68.788,644 triệu đồng/77.944 triệu đồng, bằng 88,25% dự toán giao. (*Trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản: 3.175,179 triệu đồng, Chi thường xuyên ngân sách: 65.533,504 triệu đồng, Chi sự nghiệp các chương trình MTQG chuyển nguồn sang năm 2026: 79,961 triệu đồng*).

**5. Kết quả tiếp nhận TTHC:** Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện đúng quy trình, bảo đảm tiến độ; trong 9 tháng đầu năm tiếp nhận và giải quyết 2.361 hồ sơ, đạt 100% trước hạn. Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu quốc gia về dân cư được đẩy mạnh. Theo Công Dịch vụ công quốc gia, xã đạt 98 điểm về Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

#### 6. Bổ sung chỉ tiêu quý IV năm 2026

| TT       | Chỉ tiêu                                       | Đơn vị     | Chỉ tiêu Quý IV | Ghi chú                               |
|----------|------------------------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Nhóm chỉ tiêu về kinh tế</b>                |            |                 |                                       |
| <b>1</b> | Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn | %          | ≥10             |                                       |
| <b>2</b> | Cơ cấu kinh tế                                 |            |                 |                                       |
|          | Nông, lâm nghiệp và thủy sản                   | %          | 47              |                                       |
|          | Công nghiệp - Xây dựng                         | %          | 18              |                                       |
|          | Thương mại - Dịch vụ                           | %          | 35              |                                       |
| <b>3</b> | Thu nhập bình quân đầu người                   | Trđ/ng/năm | 36              |                                       |
| <b>4</b> | Sản phẩm chủ yếu                               |            |                 |                                       |
|          | - Sản lượng lúa                                | tấn        | 3.711,4         | Duy trì số lượng 9 tháng đầu năm 2026 |
|          | - Sản lượng ngô                                | tấn        | 15,78           |                                       |

| TT       | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị      | Chỉ tiêu Quý IV | Ghi chú                               |
|----------|--------------------------------------------------------|-------------|-----------------|---------------------------------------|
|          | - Đàn trâu                                             | Con         | 2.586           | Duy trì số lượng 9 tháng đầu năm 2026 |
|          | - Đàn bò                                               | Con         | 501             | Duy trì số lượng 9 tháng đầu năm 2026 |
|          | - Đàn heo                                              | Con         | 62              |                                       |
|          | - Đàn gia cầm                                          | Con         | 1.300           |                                       |
|          | - Sản lượng thịt hơi xuất chuồng                       | tấn         | 98,37           |                                       |
|          | - Sản lượng thủy sản khai thác                         | tấn         | 2,6             |                                       |
| 5        | Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn                    | Triệu đồng  | 74,2            |                                       |
| <b>B</b> | <b>Nhóm chỉ tiêu về văn hóa-xã hội</b>                 |             |                 |                                       |
| 6        | Số tiêu chí bình quân xây dựng nông thôn mới           | tiêu chí/xã | 13              |                                       |
| 7        | Số trường đạt chuẩn quốc gia                           | Trường      | 1               |                                       |
| 8        | Duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế                  | Đạt         | Đạt             |                                       |
|          | Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm hằng năm  | %           | 1-2             |                                       |
| 9        | Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động    | %           | 20,5            |                                       |
| 10       | Tỷ lệ hộ nghèo                                         | %           | 5,02            |                                       |
| <b>C</b> | <b>Nhóm chỉ tiêu về môi trường và khác</b>             |             |                 |                                       |
| 11       | Tỷ lệ che phủ rừng                                     | %           | 61,3            |                                       |
| 12       | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý trên | %           | ≥80             |                                       |
| 13       | Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch                    | %           | 11              |                                       |
| <b>D</b> | <b>Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh</b>            |             |                 |                                       |

| TT | Chỉ tiêu                                                    | Đơn vị | Chỉ tiêu Quý IV | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 14 | Xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng                   | Đạt    | Đạt             |         |
| 15 | Cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn AT về ANTT | %      | 100             |         |

Trên đây là Báo cáo cập nhật kết quả công tác 9 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2026 của UBND xã Ba Đình. Kính báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy./. *Hy*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- Văn phòng Đảng ủy xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, PKT(dttlan)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
**Phạm Văn Ôn**